

HỖ TRỢ TÂM LÝ 1.000 ĐIỂM?

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến TTCK: Thị trường chứng khoán toàn cầu với chỉ số MSCI đo thị trường ở 50 quốc gia giảm sang tuần thứ 3 liên tiếp khi giới đầu tư lo ngại các NHTW sẽ tiếp tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Báo cáo lạm phát tháng 1 ở Mỹ tăng vượt kỳ vọng của giới phân tích đã làm tăng thêm lo ngại rằng Fed có thể phải giữ lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn để dập tắt áp lực lạm phát.

Thị trường trong nước cũng điều chỉnh giảm tuần thứ 3 trong 4 tuần trở lại đây. Độ rộng thị trường cho thấy mức điều chỉnh đã diễn ra trên diện rộng, khiến thanh khoản tăng vọt và đạt mức cao nhất trong 3 tuần. Điểm đáng chú ý là khối ngoại quay đầu bán ròng mạnh trong những phiên gần đây. Dù cùng pha giảm với chứng khoán toàn cầu nhưng đây không phải là tác động chính đối với thị trường trong nước trong những tuần vừa qua.

Xu hướng dòng vốn ngoại: Khối ngoại bán ròng sang tuần thứ 2 liên tiếp và là tuần bán ròng thứ 3 kể từ đầu năm. Dòng vốn ngoại cũng rút ròng ở một số thị trường Châu Á khi đồng USD mạnh lên.

Diễn biến thanh khoản: Thanh khoản bình quân toàn thị trường bật tăng trở lại và đạt mức cao nhất trong 3 tuần trở lại đây. Tuy vậy, ở phiên cuối tuần cả tiền nội và ngoại đều giảm giao dịch khiến thanh khoản lần thứ 2 kể từ đầu năm chỉ đạt dưới ngưỡng 8.000 tỷ đồng.

Dự báo Vn-index theo PTKT: Chỉ số Vn-Index đã giảm 3 trong 4 tuần gần đây sau khi đạt đỉnh ngắn hạn ở khu vực 1.124 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy nhịp điều chỉnh này có thể kéo chỉ số này về vạch xuất phát kể từ đầu năm khi dòng tiền đã có dấu hiệu giảm mạnh trong phiên cuối tuần.

Chiến lược đầu tư: Dòng tiền đã co lại phản ánh tâm lý nhà đầu tư đang thận trọng, cũng có thể đây là giai đoạn thanh khoản ở mức cạn kiệt hoặc nhà đầu tư vẫn chiết khấu cho những rủi ro ở phía trước nên lực cầu tham gia rất hạn chế. Nhà đầu tư nên trading với tỷ trọng cổ phiếu thấp trong danh mục, tập trung ở nhóm cổ phiếu đang được dòng tiền quan tâm như: đầu tư công, thép, dầu khí, sản xuất điện,...

TIN VĨ MÔ

Fed còn nâng lãi suất nhiều đợt?: Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ưa chuộng - cho thấy giá cả trong tháng 1 tăng 0,6% so với tháng 12/2022 và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Cả hai mức tăng này đều vượt kỳ vọng của giới phân tích. Bản báo cáo làm gia tăng mối lo của thị trường vốn đã có từ trước rằng Fed có thể phải tăng lãi suất lên mức cao hơn trong thời gian lâu hơn để đưa lạm phát về mục tiêu 2%.

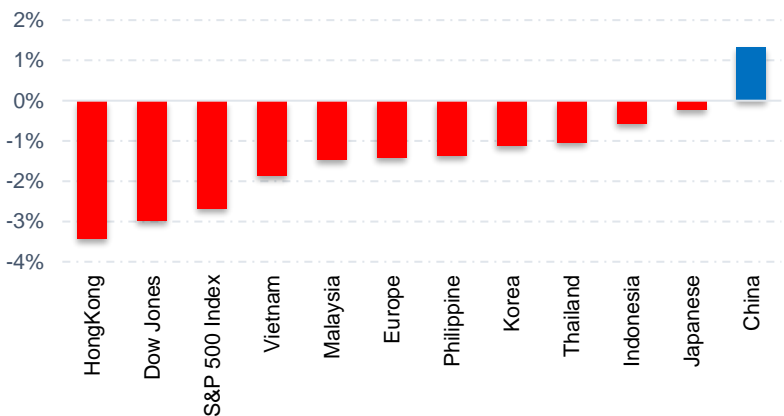
Thế giới ngày càng nhạy cảm với lãi suất. Vào cuối quý 4/2022, lãi suất chính sách tại 58 quốc gia giàu có và mới nổi ở mức trung bình 7,1%, tăng mạnh so với mức 2,6% trong Q1 2021. Trong khi đó, tổng nợ ở 58 quốc gia này lên tới 300 ngàn tỷ USD, tương đương 345% tổng GDP của họ. Trước đại dịch COVID-19, con số này ở mức 255 ngàn tỷ USD, tương đương 320% GDP. Mắc nợ càng nhiều, thế giới càng nhạy cảm với lãi suất.

Đức: Lạm phát, khủng hoảng năng lượng khiến kinh tế Đức sụt giảm hơn dự báo. Theo số liệu chính thức của Cơ quan Thống kê liên bang Đức công bố ngày 24/2, nền kinh tế Đức đang trên bờ vực suy thoái khi sản lượng kinh tế cuối năm 2022 sụt giảm nhiều hơn so với dự báo, ở mức âm 0,4% thay vì âm 0,2%. Với tăng trưởng bị sụt giảm trong quý cuối năm ngoái, nền kinh tế đầu tàu châu Âu có nguy cơ rơi vào suy thoái nếu GDP tiếp tục sụt giảm trong quý 1/2023.

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Indexes	Last	Weekly	YTD	P/E	P/B
S&P 500 Index	3.970,04	-2,67%	3,40%	19,2	3,9
Dow Jones	32.816,92	-2,99%	-1,00%	19,5	4,4
Europe SXXP	457,70	-1,42%	7,72%	13,5	1,9
Nikkei 225	27.453,48	-0,22%	5,21%	22,2	1,7
CN-Shanghai	3.267,16	1,34%	5,76%	14,4	1,4
Korea-Kospi	2.423,61	-1,13%	8,37%	11,7	0,9
HongKong	20.010,04	-3,43%	1,16%	12,0	1,2
VN-Index	1.039,56	-1,86%	3,22%	13,7	1,7
Malaysia	1.455,22	-1,47%	-2,69%	15,5	1,4
SET Index	1.634,58	-1,03%	-2,04%	18,8	1,8
Indonesia	6.856,58	-0,57%	0,09%	15,1	2,0
Phillippines	6.685,90	-1,37%	1,82%	15,3	1,6
WTI	76,32	-0,03%	-4,91%		
Gold	1.823,92	-1,00%	-0,01%		

Major World Market Indices performance

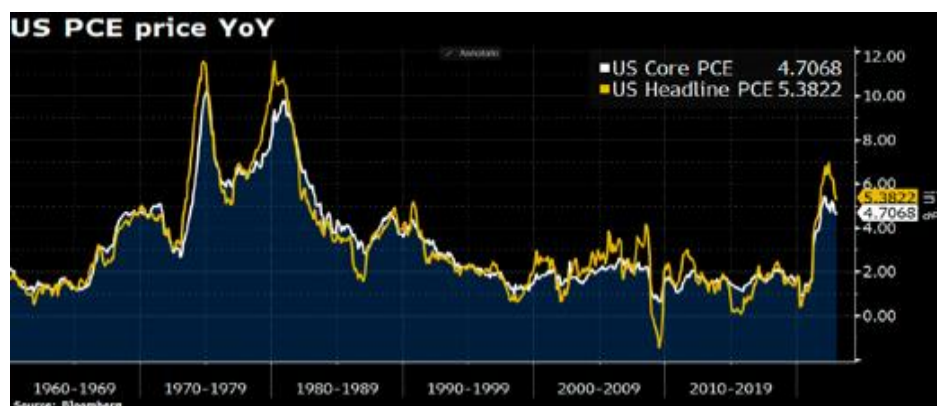


Nguồn: Bloomberg, dữ liệu đến ngày 24/02/2023

Diễn biến TTCK thế giới

Thị trường chứng khoán toàn cầu với chỉ số MSCI đo thị trường ở 50 quốc gia giảm sang tuần thứ 3 liên tiếp khi giới đầu tư lo ngại các NHTW sẽ tiếp tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Ở thị trường lớn nhất thế giới, S&P 500 đã giảm 2,7%, tệ nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 9/12. Dow Jones mất khoảng 3% trong tuần, đánh dấu tuần giảm thứ tư liên tiếp. Nasdaq trượt 3,3% cả tuần, đưa tuần này trở thành tuần giảm thứ hai của chỉ số trong vòng 3 tuần trở lại đây. Phiên cuối tuần qua cũng đánh dấu 1 năm sau khi xung đột Nga – Ukraine diễn ra, giá dầu sput 19%, giá vàng giảm 4%, giá hàng giá cũng giảm 13%, chỉ số chứng khoán toàn cầu giảm 8%, chỉ số S&P 500 giảm 6%, ... đáng chú ý là thị trường Việt Nam lại nằm trong Top giảm mạnh nhất khi để mất tới 30%, Trong khi đó, chứng khoán khu vực Châu Âu vốn bị xem chịu ảnh hưởng nhiều nhất lại tăng 2%, thị trường Nhật Bản cũng có mức tăng 2%, trong khi thị trường Ấn độ tăng 4%.

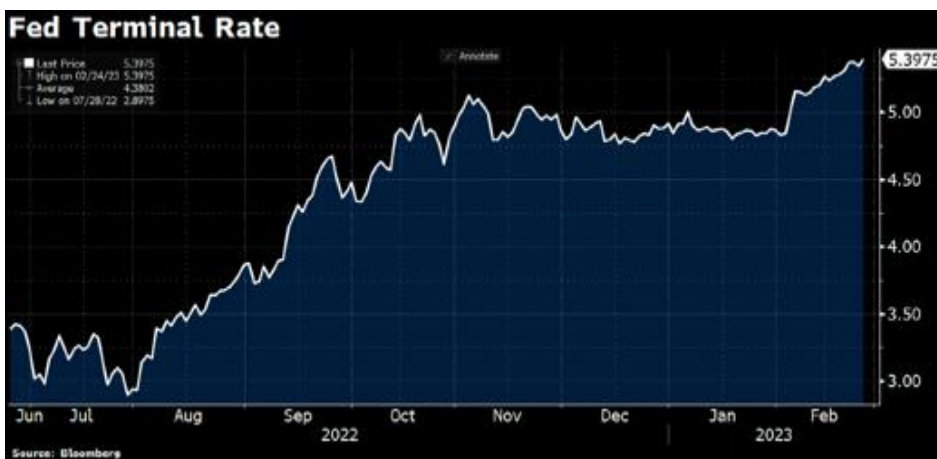
Fed còn nâng lãi suất nhiều đợt?



Chỉ số lạm phát yêu thích của Fed tăng mạnh hơn dự báo trong tháng 1/2023, qua đó thấy NHTW Mỹ cần phải làm nhiều hơn để kéo giảm áp lực giá cả. Fed theo sát chỉ số PCE hơn so với một số chỉ số lạm phát khác vì chỉ số này có tính tới sự thay đổi thói quen chi tiêu của người tiêu dùng, chẳng hạn như thay thế hàng hóa giá thấp hơn bằng hàng hóa đắt tiền hơn. Điều đó cung cấp một cái nhìn chính xác hơn về chi phí sinh hoạt. Theo báo cáo ngày 24/02, phần lớn lạm phát giá tăng trong tháng 1 là do giá năng lượng tăng 2%. Giá thực phẩm tăng 0,4%. Hàng hóa và dịch vụ đều tăng 0,6%.

Nguồn: Bloomberg

Thế giới ngày càng nhạy cảm với lãi suất



Sau giai đoạn 2010-2020 bình yên, lạm phát cao đang buộc các NHTW phải mạnh tay nâng lãi suất. Trong quý 1/2021, lãi suất chính sách ở 58 quốc gia giàu có và mới nổi ở mức trung bình 2,6%. Vào cuối quý 4/2022, lãi suất này lên tới 7,1%.

Trong khi đó, tổng nợ ở 58 quốc gia này lên tới 300 ngàn tỷ USD, tương đương 345% tổng GDP của họ. Trước đại dịch COVID-19, con số này ở mức 255 ngàn tỷ USD, tương đương 320% GDP. Mặc nợ càng nhiều, thế giới càng nhạy cảm với lãi suất. Để đánh giá tác động của việc vay nợ và đà tăng của lãi suất, tờ Economist đã ước tính tổng số tiền lãi phải trả của các công ty, hộ gia đình và Chính phủ trên 58 quốc gia phát triển và mới nổi, chiếm hơn 90% GDP toàn cầu.

Nguồn: Bloomberg

Xu hướng dòng vốn quốc tế

Foreign Portfolio Investment								
Equity Currency: USD								
No	Country	Daily	Weekly	MTD	QTD	YTD	12M	YOY Lvl
Asia		Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln
China	12/31/2022			22.974,56	26.830,53	-160.699,51	-160.699,51	
India	2/22/2023	-7,47	173,70	403,29	-3.256,31	-3.256,31	-12.462,70	-2.548,28
Indonesia	2/23/2023	1,36	14,97	218,74	14,60	14,60	2.712,18	-506,11
Malaysia	2/23/2023	9,20	51,40	-6,30	-88,00	-88,00	429,70	216,20
Philippines	2/23/2023	-12,95	-30,14	-63,24	58,83	58,83	-1.267,76	-1.788,27
Thailand	2/23/2023	-83,47	-416,61	-962,44	-417,45	-417,45	3.388,85	1.881,80
Vietnam	2/23/2023	-25,18	-50,20	4,96	120,03	120,03	1.194,31	3.769,68
Taiwan	2/23/2023	546,56	-79,61	1.445,86	8.686,60	8.686,60	-27.447,70	-10.585,10
S.Korea	2/24/2023	-290,25	-747,35	1.323,84	6.563,65	6.563,65	-152,22	18.568,40
Japan	2/17/2023		1.473,72	2.132,00	4.357,60	4.357,60	5.506,93	-10.326,00
Sri Lanka	2/23/2023	0,10	-2,40	8,00	9,10	9,10	103,38	315,26

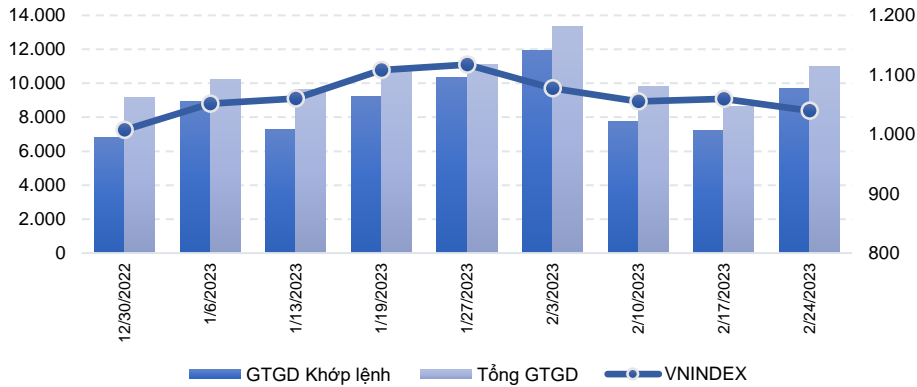
Đồng USD tăng lên mức cao nhất trong 7 tuần vừa qua có thể là nguyên nhân khiến dòng vốn quốc tế rút dòng ở các thị trường đã mua mạnh trước đó như: Hàn Quốc và Đài Loan trong tuần vừa qua. Ở khu vực Đông Nam Á, các thị trường như: Việt Nam, Thái Lan, Philippines, ... cũng bị bán ròng trong tuần vừa qua.

Nguồn: Bloomberg, MBS.

Diễn biến TTCK Việt Nam

Chỉ số Vn-Index để mất 19,75 điểm trong tuần vừa qua, tương đương giảm 1,86% còn 1.039,56 điểm, đây cũng là tuần giảm thứ 3 trong 4 tuần gần đây kể từ khi tạo đỉnh ngắn hạn ở khu vực 1.124 điểm. Nhóm cổ phiếu Vn30 và Midcap cũng sụt hơn 2,2%, trong khi đó nhóm cổ phiếu nhỏ chỉ giảm nhẹ 0,04%. Dù cổ phiếu bất động sản giảm mạnh trong tuần vừa qua nhưng nhóm cổ phiếu bất động sản liên quan đến nhà ở xã hội vẫn thu hút được dòng vốn đầu cơ khá mạnh, cổ phiếu HQC tuần vừa qua tăng 37,32%, bên cạnh đó là SCR cũng vọt 14,97%, ... Đến phiên cuối tuần dòng tiền đầu cơ đang có dấu hiệu dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu thiết bị y tế như: AMV (+16,67%), JVC (+11,96%), ...

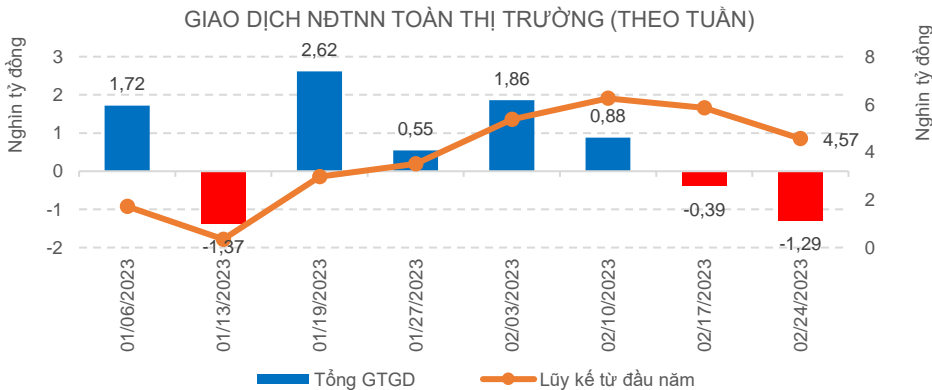
Thanh khoản thị trường tăng lên mức cao nhất trong 3 tuần gần đây



Thanh khoản toàn thị trường tăng 27% trong tuần vừa qua, lên mức 12.900 tỷ đồng dù phiên cuối tuần chỉ còn dưới 8.000 tỷ đồng. Thanh khoản khớp lệnh cũng vọt 33,7% đạt 11.468 tỷ đồng so với tuần trước đó. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường chỉ đạt 12.044 tỷ đồng, giảm 41,43% so với năm 2022.

Nguồn: Fiinpro, MBS

Giao dịch NĐTNN: Mua ròng hơn 4.570 tỷ đồng kể từ đầu năm



Khối ngoại bán ròng sang tuần thứ 2 liên tiếp và cũng là tuần bán ròng thứ 3 kể từ đầu năm đến nay. Việc đồng USD mạnh lên so với các đồng tiền khác trong tuần vừa qua có thể là nguyên nhân khiến dòng vốn ngoại rút ròng ở các thị trường Châu Á, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy, lũy kế kể từ đầu năm, dòng vốn ngoại vẫn mua ròng tổng cộng 4.570 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Nguồn: Fiinpro, MBS

Xu hướng dòng vốn ETF: Hạn chế giao dịch trong bối cảnh khối ngoại bán ròng

Vietnam: 21 matching funds, 22 matching tickers							
Summary	Assets	Cost	Performance	Flow	Liquidity	Allocations	Regu...
Name		1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)		
1) Xtrackers FTSE Vietnam S...		+0,90	+2,73	+24,60	+47,89		
2) Fubon FTSE Vietnam ETF		.00	.00	.00	+1,48		
3) KIM KINDEX Vietnam VN3000	.00	+19,77	-51,38		
4) Premia MSCI Vietnam ETF		.00	.00	.00	-2,32		
5) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF		.00	.00	.00	.00		
6) KIM KINDEX Vietnam VN3000	.00	+0,66	+0,66		
7) Korea Investment & Secur...		.00	.00	.00	.00		
8) Korea Investment & Secur...		.00	.00	.00	.00		
9) Korea Investment & Secur...		.00	.00	.00	.00		
10) Korea Investment & Secur...		.00	.00	.00	.00		
11) Premia MSCI Vietnam ETF		.00	.00	.00	.00		
12) Asian Growth CUBS ETF		.00	.00	.00	.00		
13) DCVFMVN30 ETF Fund		.00	.00	+5,42	+28,38		
14) IPAAM VN100 ETF		.00	.00	.00	.00		
15) KIM Growth VN30 ETF		.00	.00	.00	.00		
16) SSIAM VN30 ETF		.00	.00	.00	.00		
17) SSIAM VNX50 ETF		.00	.00	-0,06	-0,52		
18) SSIAM VNFIN LEAD ETF		.00	.00	.00	+6,46		
19) DCVFMVN Diamond ETF		.00	.00	+16,11	+31,79		
20) VinaCapital VN100 ETF		.00	.00	.00	.00		
21) Global X MSCI Vietnam ETF		.00	.00	+0,80	+0,80		
22) VanEck Vietnam ETF		.00	.00	+3,70	+89,18		

Dòng vốn qua các quỹ ETF hạn chế giao dịch trong tuần vừa qua. Trong 1 tháng trở lại đây, dòng vốn này đã vào thị trường 136 triệu USD.

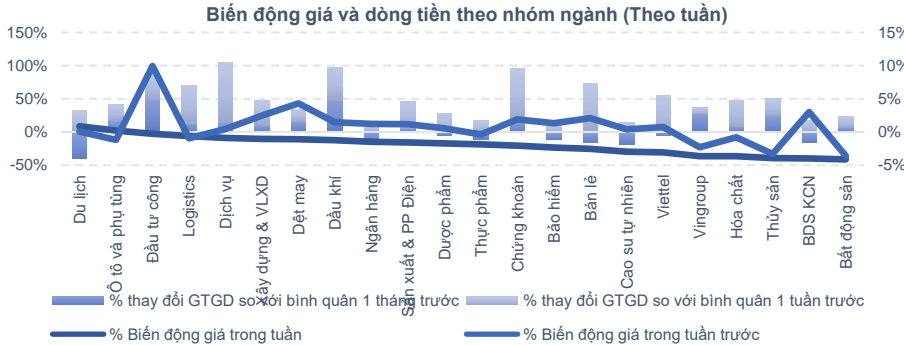
Như vậy, sau một năm vào ròng 921 triệu USD, dòng tiền ngoại tiếp tục chọn kênh ETF để giải ngân 153 triệu USD kể từ đầu năm đến nay, tương đương 3.500 tỷ đồng..

Nguồn: Fiinpro, MBS

Xu hướng thị trường tuần tới

Chứng khoán thế giới nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động theo xu hướng giảm trong tuần tới sau khi lạm phát “nóng” hơn so với dự báo. Hiện giới đầu tư đang dồn sự chú ý đến cuộc họp chính sách của Fed vào ngày 22/3, thị trường đang định giá mức nâng lãi suất 0,5% với xác suất tăng từ 18% tuần trước lên 27% vào cuối tuần này. Bên cạnh đó, việc đồng USD đang ở mức cao nhất trong 7 tuần vừa qua có thể tác động rõ nét hơn tới thị trường trong nước ở tuần tới. Mạch bán ròng của khối ngoại có thể còn tiếp diễn trong bối cảnh thanh khoản có dấu hiệu xuống thấp sẽ gây áp lực cho nhóm bluechips cũng như thị trường chung. Về kỹ thuật, nhịp điều chỉnh 3 trong 4 tuần vừa qua có thể đưa chỉ số Vn-index về lại vạch xuất phát kể từ đầu năm và ngưỡng tâm lý quanh mức 1.000 điểm có thể là địa chỉ được nhiều nhà đầu tư theo dõi bắt đáy. Nhà đầu tư căn cứ vào các ngưỡng hỗ trợ của cổ phiếu cụ thể để giải ngân hoặc cơ cấu danh mục khi rất nhiều cổ phiếu đã xóa sạch thành quả kể từ đầu năm, thậm chí giảm mạnh về vùng hỗ trợ trước chỉ số chung. Thị trường đang trong xu hướng giảm ngắn hạn nên chiến lược giải ngân từng phần có thể được áp dụng, tránh đua giá trong các nhịp hồi mạnh

Biến động giá và dòng tiền theo ngành



Thị trường giảm 3 trong 4 tuần trở lại đây đã khiến nhiều nhóm cổ phiếu dễ mất thành quả kể từ đầu năm, thậm chí giảm về mức thấp hơn (tương ứng với chỉ số Vn-index dưới ngưỡng 1.030 điểm). Với mức giảm trên diện rộng ở tuần vừa qua, một số nhóm cổ phiếu đã thấp hơn thời điểm đầu năm như: bất động sản, thủy sản, hóa chất, bán lẻ, ...

Nguồn: Bloomberg, MBS.

Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vn-Index đã giảm 3 trong 4 tuần gần đây sau khi đạt đỉnh ngắn hạn ở khu vực 1.124 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy nhịp điều chỉnh này có thể kéo chỉ số này về vạch xuất phát kể từ đầu năm khi dòng tiền đã có dấu hiệu giảm mạnh trong phiên cuối tuần. Bên cạnh đó, đà giảm của chứng khoán thế giới có thể tác động rõ nét hơn trong tuần sau. Do đó, trong kịch bản thận trọng, ngưỡng tâm lý 1.000 điểm có thể là vùng cân bằng mới cho thị trường ở thời điểm này..

Nguồn: Bloomberg, MBS.

Dự báo kịch bản thị trường tuần 27/02/2023 – 03/03/2023

	Tích cực	Cơ bản	Thận trọng
Xác suất	20%	70%	10%
VN-Index (Điểm)	1.065 – 1.074	1.026 – 1.065	1.011 – 1.026
P/E thị trường (lần)	11,8 - 11,9	11,4 - 11,8	11,2 - 11,4

- Kịch bản lạc quan, chỉ số Vn-Index retes thành công các ngưỡng MA50, MA20, MA10.
- Kịch bản cơ bản, thị trường tạo vùng cân bằng và dao động ở vùng đáy tháng 2.
- Kịch bản thận trọng: Thị trường quay lại điểm xuất phát từ đầu năm và ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – LỢI THẾ CẠNH TRANH

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn.
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

Hiệu suất đầu tư (đến ngày 24/02/2023):

Danh mục	-0,7%	-5,8%	2,2%	21,8%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-1,9%	-6,2%	-0,4%	-11,0%

Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	EPS	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	Cổ tức tiền mặt	KLGD 6T	P/E	P/B
CTR	33,2%	3.941	27,1%	8,7%	11%	1.000	518.175	13,6x	4,1x
DGW	72,9%	5.279	29,4%	9,9%	36%	1.000	877.777	11,2x	4,3x
FPT	13,7%	4.799	20,6%	9,5%	33%	1.000	2.228.554	15,4x	4,1x
MBB	44,0%	3.876	21,9%	2,2%	-	0	10.762.209	4,6x	1,1x
VCB	27,6%	5.582	23,2%	1,6%	-	0	1.189.441	13,2x	2,7x

Cơ cấu DM theo ngành



20,0%
Xây dựng



20,0%
Phân phối hàng chuyên dụng

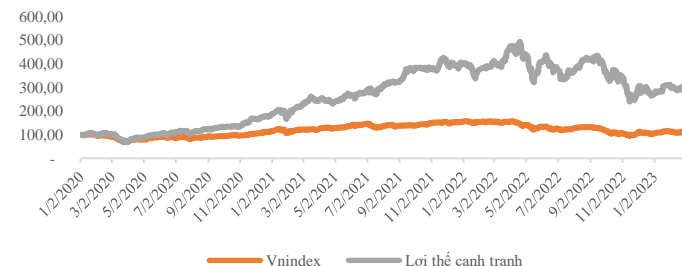


20,0%
Phần mềm

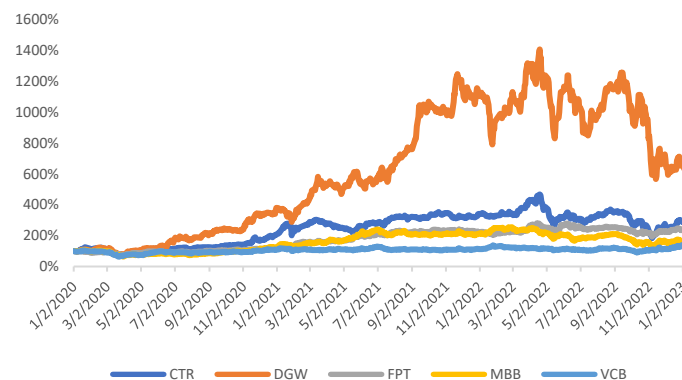


40,0%
Ngân hàng

Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
CTR	10	10	20	20	20
DGW	10	15	20	30	40
FPT	10	15	20	20	20
MBB	30	25	20	15	10
VCB	35	35	20	15	10
	221	246	291	341	391

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – HANG TRÁNH BÃO

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận an toàn & ổn định trước rủi ro thị trường.
- **Chiến lược đầu tư an toàn trước biến động từ thị trường.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp trong nhóm phòng thủ (bảo hiểm, điện, nước, tiêu dùng thiết yếu), có lịch sử chi trả cổ tức cao và đều, đi kèm với rủi ro biến động giá thấp.

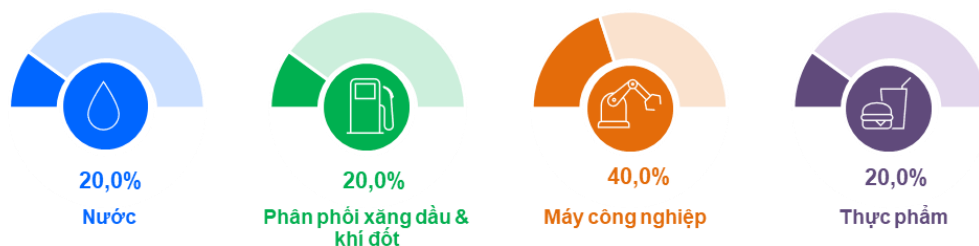
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 24/02/2023):

Danh mục	-1,2%	0,6%	-3,8%	22,9%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-1,9%	-6,2%	-0,4%	-11,0%

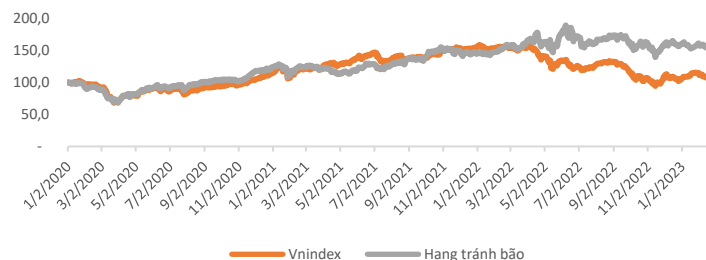
Cấu thành danh mục

Mã CK	Cổ tức tiền mặt	EPS	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	KLGD 6T	P/E	P/B
BWE	1.200	4.246	35,3%	17%	6,5%	41%	267.050	10,4x	2,0x
GAS	3.000	7.058	4,5%	21%	15,7%	11%	789.627	15,6x	3,7x
REE	1.000	7.773	49,6%	16%	9,0%	35%	1.172.083	9,7x	1,8x
VEA	4.493	5.244	35,3%	27%	24,0%	1%	193.594	7,6x	2,3x
VNM	1.500	4.232	-2,9%	34%	23,0%	19%	2.285.375	18,5x	5,3x

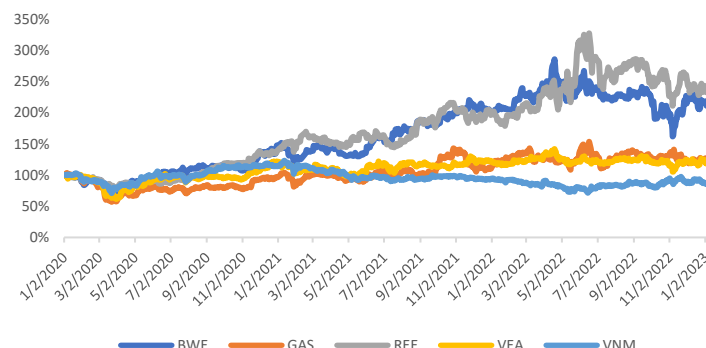
Cơ cấu DM theo ngành



Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BWE	10	20	20	25	30
GAS	15	20	20	20	15
REE	15	15	20	30	35
VEA	25	20	20	20	15
VNM	35	30	20	5	5

134	144	155	176	186
------------	------------	------------	------------	------------

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BIS (TÀI CHÍNH)

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán) có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

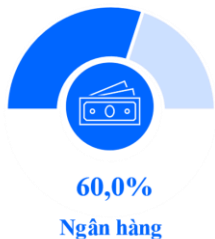
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 24/02/2023):

Danh mục	-2,3%	-10,2%	1,4%	41,6%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-1,9%	-6,2%	-0,4%	-11,0%

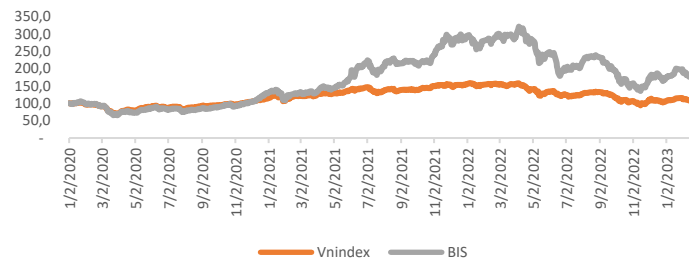
Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	KLGD 6T	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	1.525.120	1,8x
BVH	3,5%	7,7%	1,1%	0,0%	-	-	-	1.363.746	1,7x
MBB	44,0%	21,9%	2,2%	5,0%	-38,0%	-208,0%	1,0%	10.762.209	1,1x
VCB	27,6%	23,2%	1,6%	3,1%	-34,2%	-402,0%	1,0%	1.189.441	2,7x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	0,0%	-	-	-	19.408.929	1,0x

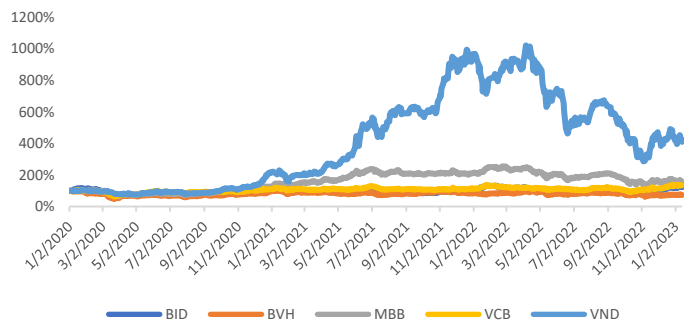
Cơ cấu DM theo ngành



Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	5	10	20	15	10
BVH	35	30	20	10	10
MBB	15	15	20	30	35
VCB	35	30	20	10	10
VND	10	15	20	35	40
	143	159	179	230	240

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BSS (NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN – THÉP)

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán & Thép, có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

Hiệu suất đầu tư (đến ngày 24/02/2023):

Danh mục	-2,8%	-10,5%	1,3%	20,8%
	1-week return	1-month return	YTD-return	2-year return
VN-Index	-1,9%	-6,2%	-0,4%	-11,0%

Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	P/E	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	11,0x	1,8x
CTG	26,9%	13,9%	0,9%	2,7%	-36,8%	-222,0%	1,0%	7,4x	1,1x
HPG	19,4%	26,0%	12,9%	-	-	-	-	5,0x	0,9x
SSI	17,9%	14,9%	5,0%	-	-	-	-	7,7x	1,1x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	-	-	-	-	5,8x	1,0x

Cơ cấu DM theo ngành



40,0%
Ngân hàng

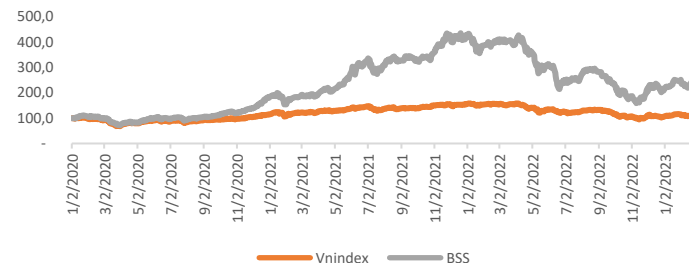


20,0%
Thép và sản phẩm thép

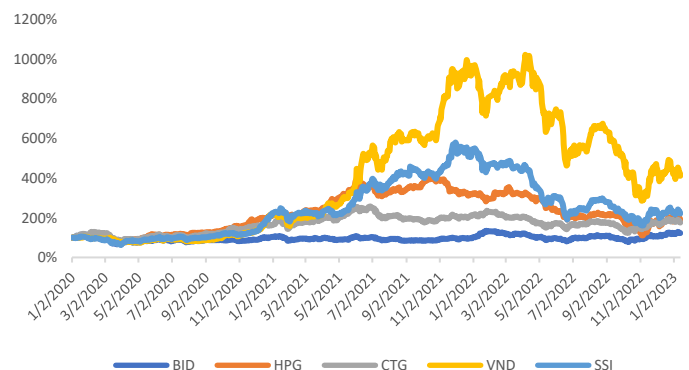


40,0%
Môi giới chứng khoán

Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	30	25	20	10	5
HPG	35	25	20	10	10
CTG	15	25	20	15	10
VND	10	15	20	35	40
SSI	10	10	20	30	35
	193	206	224	268	284

Hiệu quả sinh lời của DM

MBS RESEARCH UPDATES

Mã	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Link báo cáo	Ghi chú
HDG	MUA	VND 39.900	Link	
VNM	MUA	VND 91.900	Link	
VHM	MUA	VND 80.200	Link	
IDC	MUA	VND 44.300	Link	
PVS	MUA	VND 29.500	Link	
BID	MUA	VND 40.900	Link	
NKG	NẮM GIỮ	VND 15.100	Link	
VRE	MUA	VND 32.800	Link	
TCB	MUA	VND 42.500	Link	
FRT	NẮM GIỮ	VND 82.100	Link	
VCB	NẮM GIỮ	VND 87.000	Link	
DCM	MUA	VND 32.400	Link	
PNJ	NẮM GIỮ	VND 92.200	Link	
TPB	NẮM GIỮ	VND 23.600	Link	
BSR	MUA	VND 21.800	Link	
PVD	NẮM GIỮ	VND 22.200	Link	
VNM	MUA	VND 89.963	Link	

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.